TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/DSST
Ngày 09/07/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải

2/ - Ông Ngô Rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 09 tháng 07 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 06 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/ QĐXXST- DS ngày 17 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Chị Âu Thị Lệ T**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Văn M, sinh năm 1984 (chồng của chị Âu Thị Lệ T) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Nguyên vào ngày 15/01/2021 chị Âu Thị Lệ T có đến nhà em ruột tôi là Nguyễn Thị N vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với em tôi vào ngày 15/02/2021, mục đích chị T vay tiền của em tôi là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn cho vay là 03 tháng từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/04/2021, chị T hứa trả nợ cho em tôi vào ngày 15/04/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Đến ngày 15/02/2021, chị Âu Thị Lệ T tiếp tục đến nhà em tôi vay thêm số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với em tôi vào ngày 15/02/2021, mục đích chị T vay tiền của em tôi là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn cho vay là 01 tháng từ ngày 15/02/2021 đến ngày 15/03/2021, chị T hứa trả nợ cho em tôi vào ngày 15/03/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho em tôi.

Đến nay thì chị T vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho em tôi mặc dù em tôi có đến nhà chị T đòi nợ nhiều lần nhưng chị T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho em tôi là Nguyễn Thị N số tiền gốc là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi như sau:

- Số tiền nợ gốc 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 16/04/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

- Số tiền nợ gốc 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 16/03/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Bị đơn chị Âu Thị Lệ T trình bày: qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T, tôi thừa nhận nguyên vào ngày 15/01/2021, tôi có đến nhà chị Nguyễn Thị N vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay thì tôi có làm biên nhận nợ với chị N vào ngày 15/01/2021, mục đích tôi vay tiền của chị N là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn

vay là 03 tháng, tôi sẽ trả hết nợ gốc và lãi vào ngày 15/04/2021 cho chị N. Đến ngày 15/02/2021, tôi tiếp tục đến nhà chị N vay thêm số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay thì tôi có làm biên nhận nợ với chị N vào ngày 15/02/2021, mục đích tôi vay tiền của chị N là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 15/02/2021 đến ngày 15/03/2021, vào ngày 15/03/2021 tôi sẽ trả hết nợ gốc và lãi chị N. Nhưng do làm ăn thất bại nên tôi không có tiền trả nợ cho chị N.

Nay tại phiên toà, tôi thừa nhận còn nợ chị N số tiền gốc là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), số tiền nợ này tôi xin trả dần cho chị N mỗi năm là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2021 tôi trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho chị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M trình bày: anh Võ Văn M vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Võ Văn M với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, anh M vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh M, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Nguyễn Thị N với chị Âu Thị Lệ T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị N số tiền gốc 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào ngày 15/01/2021, chị N có cho chị T vay số tiền gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với chị N vào ngày 15/01/2021, thời hạn vay là 03 tháng, vào ngày 15/04/2021 chị T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị N. Đến ngày 15/02/2021, chị T tiếp tục vay thêm của chị N số tiền gốc là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với chị N vào ngày 15/02/2021, thời hạn vay là 01 tháng, vào ngày 15/03/2021 chị T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị N. Đến hạn trả nợ thì chị T không thực hiện việc trả nợ và chị N nhiều lần đến nhà chị T đòi nợ nhưng chị T chỉ hứa chứ không trả nợ cho chị N và được biết mục đích chị T vay tiền của chị N là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà chị T nợ chị N số tiền

gốc là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng chị Âu Thị Lệ T, anh Võ Văn M.

Nay tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M phải trả hết nợ gốc số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị N và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của chị N phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 16/04/2021 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 09/07/2021 là 83 ngày cụ thể như sau: 40.000.000đ x 1,66% x 83 ngày = 1.837.066đ tính tròn là 1.837.000đ (một triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 16/03/2021 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 09/07/2021 là 113 ngày cụ thể như sau: 140.000.000đ x 1,66% x 113 ngày = 8.753.733đ tính tròn là 8.754.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 190.591.000đ (một trăm chín mươi triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn chị Âu Thị Lệ T thì chị T thừa nhận còn nợ của chị Nguyễn Thị N số tiền gốc là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng). Vì hiện nay chị T làm ăn thất bại và gặp khó khăn về kinh tế. Chị T xin trả nợ dần cho chị N mỗi năm là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2021 chị T trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho chị N. Lời yêu cầu của chị T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của chị T thì chị Nguyễn Thị Kim T không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của chị T. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của chị Âu Thị Lệ T, buộc chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Nguyễn

Thị N số tiền gốc và lãi là 190.591.000đ (một trăm chín mươi triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị N được chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị N số tiền là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008380 ngày 19/05/2021 và biên lai thu số 0008393 ngày 19/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Âu Thị Lệ T, anh Võ Văn M phải nộp: 190.591.000đ x 5% = 9.529.550đ tính tròn là 9.530.000đ (chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn chị Âu Thị Lệ T.

4/ Buộc chị Âu Thị Lệ T và anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc và lãi là 190.591.000đ (một trăm chín mươi triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị Âu Thị Lệ T và anh Võ Văn M không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc chị Âu Thị Lệ T, anh Võ Văn M nộp 9.530.000đ (chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008380 ngày 19/05/2021 và biên lai thu số 0008393 ngày 19/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Kim T và chị Âu Thị Lệ T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Võ Văn M biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật